TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v "Xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Văn H

2.Ông Nguyễn Vĩnh L

-***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Anh K -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc "Xin ly hôn và nuôi con*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:30/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp 3, xã Tân Th, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp 3, xã Tân Th, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2009, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình H, huyện Mộc H, tỉnh Long An. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc và đến năm 2020 anh H thường xuyên bỏ nhà đi

chơi bán điện thoại và xe máy tiêu xài, do vậy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị quyết định ly hôn anh H.

Về con chung: trong quá trình chung sống với anh H có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 24/9/2010. Khi ly hôn chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H, Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án số 11/2022/TB-TLVA ngày 07/02/2022 và niêm yết thông báo về phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/02/2022, nhưng anh vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với anh Nguyễn Văn H, Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:24/2022/QĐHNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022, nhưng anh H cố tình vắng mặt và không có lý do. Còn đối với chị Nguyễn Thị Đ ngày 05/8/2022 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[1.2]Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn ngày 27/8/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Bình H, huyện Mộc H, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay chị Đ xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi kết hôn chị Đ về sống bên gia đình anh H, trong thời gian này hai bên chung sống có hạnh phúc được thời gian dài, đến năm 2020 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn với nhau. Xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không quan tâm vợ con va thường hay bỏ nhà đi chơi bạn bè dẫn đến kinh tế gia đình càng ngày khó khăn, nên chị Đ sống ly thân với anh H từ tháng 8/2020 đến nay. Còn anh H, Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng

cứ và ý kiến chị Đ xin ly hôn, nhưng đến nay anh H không có văn bản hay ý kiến gì về việc chị Đ xin ly hôn. Từ đó cho thấy mục đích hôn nhân giữa chị Đ và anh H không đạt được và cuộc sống chung của hai bên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ có phù hợp.

[2.2] Về con chung, theo đơn khởi kiện xin ly hôn chị Đ trình bày trong thời gian chung sống với anh H có 01 con chung tên Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 24/9/2010, nay chi Đ xin được nuôi con chung. Xét thấy sau khi chị Đ sống ly thân với anh H thì cháu Th sống chung với chị Đ, cũng như tại bản tự khai của cháu Th có nguyện vọng sống chị Đ là phù hợp khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh H không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ

1.Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2.Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Nguyễn Phúc Th, sinh ngày 24/9/2010 (đang sống với chị Đ); anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp có đơn yêu cầu của cha mẹ,

người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên H phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí chị Đ nộp theo biên lai số 0004152 ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, sang thành án phí.

Báo nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi thực hiện đăng ký kết hôn;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H